

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 407/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-10-2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Cầu
2. Bà Mai Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Hà Kim N, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Huỳnh Phú C, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Hà Kim N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh C tự nguyện tổ chức đám cưới vào tháng 5-2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C vào ngày 25-9-2018. Anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì anh C sinh ra ghen tuông, đánh đập và có lời lẽ xúc phạm chị N. Chị N nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh C

không thay đổi tính tình, cuộc sống hôn nhân của chị N và anh C không có hạnh phúc nên chị N yêu cầu ly hôn với anh C.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã nhận được tờ tường trình đề ngày ... tháng năm 20.... (không ghi ngày, tháng năm) của anh Huỳnh Phú C do bưu điện chuyển đến ngày 20 tháng 6 năm 2019, anh C trình bày: Ngày 08/5/2019, chị N tự ý bỏ nhà ra ở khách sạn sau đó gửi đơn ly hôn. Ngoài ra khi còn chung sống có nợ ngân hàng chính sách 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) hiện đang trả hàng tháng. Phần còn lại của hai vợ chồng có chơi 4 đầu hụi tuần 200.000đ.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Huỳnh Phú C để làm rõ ý kiến của anh C đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hòa giải về hôn nhân của anh C và chị N nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày thêm ý kiến bổ sung.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

1.1 *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết*: Chị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh C hiện có đăng ký hộ khẩu và đang sinh sống tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.2 *Về sự có mặt của đương sự*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị N và anh C có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã, huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2018 ngày 25-9-2018. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị N và anh C được đoàn tụ, nhưng chị N cương quyết ly hôn, anh C đều vắng mặt, tuy anh C có gửi tờ tường trình nhưng không ghi rõ ý kiến của anh như thế nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 24-7-2019, Tòa án có thông báo yêu cầu anh C trình bày rõ ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh C không thực hiện, điều này chứng tỏ anh C cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với chị N. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

2.2 Về con chung: Không có.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có. Tại tờ tường trình (không ghi ngày, tháng năm) của anh Huỳnh Phú C do bưu điện chuyển đến ngày 20 tháng 6 năm 2019, anh C có trình bày phần tài sản chung là 4 đầu hụi tuần 200.000đ và nợ chung số tiền 20.000.000đ vay của Ngân hàng chính sách, nhưng anh C không trình bày rõ yêu cầu của anh như thế nào đối với phần nợ chung và tài sản chung của vợ chồng và cũng không ghi rõ tham gia hụi của ai, nợ Ngân hàng chính sách nào, và cũng không gửi các chứng cứ, tài liệu kèm theo, mà chỉ ghi “kính đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang nghiên cứu giải quyết cho tôi”. Ngày 24-7-2019, Tòa án có thông báo: Nếu anh C có yêu cầu khởi kiện đối với phần nợ chung và tài sản chung của vợ chồng, đề nghị anh C làm đơn khởi kiện và cung cấp chứng cứ, tài liệu chứng minh yêu cầu khởi kiện theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên anh C không thực hiện, do đó Hội đồng xét xử quyết định không xem xét đối với tài sản chung và nợ chung của anh C, chị N.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Kim N.

- Về hôn nhân: Chị Hà Kim N được ly hôn với anh Huỳnh Phú C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2018 ngày 25-9-2018 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. *Về án phí sơ thẩm*: Chị Hà Kim N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014320 ngày 11-6-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. *Quyền kháng cáo*: Chị Hà Kim N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24-10-2019). Anh Huỳnh Phú C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Ngọc Giao